

Bản án số: **06/2026/LĐ-ST**

Ngày: 29/7/2026

*“V/v Yêu cầu tuyên bố Hợp
đồng lao động bị vô hiệu”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kăn Niê.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Kim, bà **Nguyễn Thị Tuyết**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 02/2025/TLST – LĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025, về việc *“Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXXST – LĐ ngày 09 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Vũ Văn H**, sinh năm 1979. Địa chỉ: **Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk** – Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lê Trọng C**, sinh năm 1984. Địa chỉ: **Thôn P, xã E, tỉnh Đắk Lắk**. (Văn bản ủy quyền được công chứng ngày 01/8/2025 tại **Văn phòng C2**) – Có mặt

2. Bị đơn: **Công ty Cổ phần M1**. Địa chỉ: **Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Bá T** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần M1 đường 333: Ông **Tạ Hồng T1** – Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính. Địa chỉ: **Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk**. (Văn bản ủy quyền số 235/GUQ, ngày 20/11/2025 do ông **Nguyễn Bá T** là người đại diện theo pháp luật ký) – **M** – *Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Đỗ Ngọc V**, sinh năm 1978. Địa chỉ: **Số E H, phường R, thành phố Hồ Chí Minh** – *Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

3.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: **Số A Đ, phường T, tỉnh Đắk Lắk**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Mạnh T2** – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk: Ông **Mai Đức C1** – Phó Trưởng phòng, Phòng Kiểm tra thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: **Số A Đ, phường T, tỉnh Đắk Lắk**. (Văn bản ủy quyền số 593/GUQ – BHXH, ngày 31/3/2026 do ông **Trần Mạnh T2** là người đại diện theo pháp luật ký) – *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*

3.3. Bảo hiểm xã hội **Cơ sở E**. Địa chỉ: **Thôn I E, xã E, tỉnh Đắk Lắk**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Thiện T3** – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền Bảo hiểm xã hội **Cơ sở E**: Ông **Hoàng Vĩnh T4**, sinh năm 1988. Chức vụ: Chuyên viên. Địa chỉ: **Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk**. (Văn bản ủy quyền ngày 04/3/2026 do ông **Trần Thiện T3** là người đại diện theo pháp luật ký) – *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2025; đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ghi ngày 28/7/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông **Vũ Văn H** và người đại diện ủy quyền ông **Lê Trọng C** trình bày:**

Năm 1999, ông **Vũ Văn H** từ Thanh Hóa vào Đắk Lắk để làm ăn, sinh sống và lập nghiệp. Đầu năm 2000, ông **Đỗ Ngọc V** có nộp hồ sơ để sơ tuyển vào làm việc tại **Công ty M1**. Tuy nhiên, do ông **V** có công việc bận nên không thể làm việc tại Công ty nên có hỏi ông **Vũ Văn H** là có muốn làm việc tại **Công ty M1** đường 333 không thì ông **H** đồng ý và mượn Giấy tờ của ông **Đỗ Ngọc V** để làm việc tại Công ty (Ông **H** và ông **Đỗ Ngọc V** có mối quan hệ quen biết nhau)

Do không hiểu biết pháp luật nên ông **H** đã sử dụng Giấy tờ tùy thân, thông tin của ông **Đỗ Ngọc V** để ký kết Hợp đồng lao động với **Công ty Cổ phần M1** vào năm 2001.

Từ năm 2001 cho đến năm 2022, ông **H** là người trực tiếp và duy nhất thực hiện công việc theo Hợp đồng lao động tại **Công ty M1**. Quá trình làm việc, ông **H** luôn hoàn thành nhiệm vụ, được hưởng lương thưởng và đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ. Tuy nhiên, do hồ sơ mang tên ông **Đỗ Ngọc V** nên mọi Giấy tờ (bao gồm Quyết định nâng lương, Sổ bảo hiểm xã hội đều mang tên ông **Đỗ Ngọc V**) Thực tế, ông **V** chưa từng làm việc hay hưởng lương thưởng và bất kỳ quyền lợi nào tại Công ty.

Đến khoảng năm 2021, khi thực hiện việc cấp đổi Căn cước công dân gần chíp. Được một thời gian thì Công an có mời ông **Vũ Văn H** lên làm việc vì hỏi tại sao tên **Đỗ Ngọc V** lại có 02 người trùng thông tin (quê quán, nơi cư trú, sổ hộ khẩu) và yêu cầu xác định ai là **Đỗ Ngọc V** thật thì ông **Vũ Văn H** có thừa nhận với Công

an là ông H có mượn Giấy tờ tùy thân của ông Đỗ Ngọc V để sử dụng và làm việc tại Công ty M1 đường 333. Sau đó, Công an mới yêu cầu ông H đính chính lại thông tin làm việc tại Công ty Cổ phần M1 để giải quyết sự việc. Đến ngày 29/7/2022, Công ty M1 đường 333 chấm dứt hợp đồng lao động với ông Vũ Văn H.

Ngày 01/12/2022, ông Vũ Văn H mới ký Hợp đồng lao động có xác định thời hạn số 389/HĐLĐ ngày 01/12/2022 với Công ty M1 đường 333 với thời hạn Hợp đồng là 12 tháng mang tên Vũ Văn H.

Ngày 01/12/2023, ông Vũ Văn H ký Hợp đồng lao động có xác định thời hạn số 291/HĐLĐ ngày 01/12/2023 với Công ty M1 đường 333 với thời hạn Hợp đồng là 12 tháng mang tên Vũ Văn H.

Ngày 01/12/2024, ông Vũ Văn H ký Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 353/HĐLĐ ngày 01/12/2024 với Công ty M1 đường 333 với thời hạn Hợp đồng là 12 tháng mang tên Vũ Văn H.

Do ông Vũ Văn H đã công tác và đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty M1 đường 333 từ năm 2001 cho đến năm 2022 đều mang tên Đỗ Ngọc V. Tuy nhiên, khi chấm dứt hợp đồng lao động và ký hợp đồng lao động lại với Công ty M1 thì thời gian ông Vũ Văn H đóng bảo hiểm xã hội xác định lại từ năm 2022. Nhận thấy, quyền lợi về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của ông H bị ảnh hưởng, ông H có liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh E xem xét, công nhận thời gian ông H đóng bảo hiểm xã hội từ năm 2001 cho đến năm 2022 là sự thật nhưng Bảo hiểm xã hội không giải quyết cho ông Vũ Văn H.

Vì vậy, để đủ điều kiện tiếp tục được Bảo hiểm xã hội tỉnh E và Bảo hiểm xã hội cơ sở E chi trả tiền chế độ hưu trí hàng tháng cho ông Vũ Văn H, sinh ngày 06/10/1979. Ông Vũ Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk giải quyết những nội dung sau:

+ Tuyên Hợp đồng lao động không xác định thời hạn được ký ngày 01/12/2001 giữa ông Đỗ Ngọc V và Công ty Cổ phần M1 đường 333 vô hiệu.

+ Công nhận Hợp đồng lao động thực tế giữa ông Vũ Văn H với Công ty Cổ phần M1 đường 333 từ ngày 01/12/2001 đến ngày 29/7/2022.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ông H có đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là công nhận thời gian làm việc thực tế của ông Vũ Văn H tại Công ty Cổ phần M1 đường 333 từ ngày 01/12/2001 đến ngày 29/7/2022 với thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2001 đến hết tháng 7/2022.

Trường hợp Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động không xác định thời hạn giữa ông Vũ Văn H với Công ty Cổ phần M1 đường 333 vô hiệu thì ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu.

*** Quá trình giải quyết vụ án, Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần M1 (viết tắt là Công ty), ông Tạ Hồng T1 trình bày:**

Ông Đỗ Ngọc V nộp hồ sơ xin việc tại Công ty, được Công ty gửi đi học nghề tại Trường T6 và Công nghiệp thực phẩm Đ, thời gian học từ tháng 9 năm 1999 đến

tháng 9 năm 2000, sau khi học xong và tốt nghiệp nghề Công nghệ sản xuất đường. Ông **Đỗ Ngọc V** có làm Bản tự nhận xét quá trình công tác đề nghị được ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn, **Công ty C3** và giao kết Hợp đồng lao động không xác định thời hạn ngày 01/12/2001.

Quá trình làm việc tại Công ty, ông **Đỗ Ngọc V** có sử dụng Chứng minh nhân dân số 241370286; ông **V** làm Tờ khai cấp sổ BHXH ngày 30/12/2001 và **Bảo hiểm xã hội tỉnh E** đã cấp sổ BHXH số 4003000249 theo quy định và được xếp lương và nâng lương theo quy định. Ông **Đỗ Ngọc V** được Công ty chi trả đầy đủ tiền lương và đóng các khoản bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp theo quy định. Đến ngày 29/7/2022 ông **Đỗ Ngọc Văn tự N** làm Đơn xin nghỉ việc và được **Công ty C3** và ra Quyết định số 281/QĐ-CT ngày 29/7/2022 của Tổng Giám đốc **Công ty Cổ phần M1** đường 333 về việc chấm dứt hợp đồng lao động; thanh toán tiền trợ cấp thôi việc một lần 21.221.250 đồng.

Ngày 01/12/2022, Công ty có ký Hợp đồng lao động có xác định thời hạn số 389/HĐLĐ ngày 01/12/2022 với ông **Vũ Văn H** với thời hạn Hợp đồng là 12 tháng mang tên **Vũ Văn H**.

Ngày 01/12/2023, Công ty có ký Hợp đồng lao động có xác định thời hạn số 291/HĐLĐ ngày 01/12/2023 với ông **Vũ Văn H** với thời hạn Hợp đồng là 12 tháng mang tên **Vũ Văn H**.

Ngày 01/12/2024, Công ty có ký Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 353/HĐLĐ ngày 01/12/2024 với ông **Vũ Văn H** mang tên **Vũ Văn H**.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông **Vũ Văn H thì phía bị đơn có ý kiến như sau:**

Hợp đồng lao động không xác định thời hạn ngày 01/12/2001 giữa ông **Đỗ Ngọc V** (**Vũ Văn H** là người trực tiếp làm việc) với **Công ty Cổ phần M1** đường 333 được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định của Bộ luật Lao động. Hai bên thống nhất đầy đủ về công việc, mức lương, thời giờ làm việc, quyền lợi và nghĩa vụ. Nội dung công việc phù hợp pháp luật, mức lương không vi phạm pháp luật, không có điều khoản nào trái với các quy định của pháp luật.

Hợp đồng được thực hiện liên tục trong 20 năm 08 tháng, hiện nay đã thực hiện xong và chấm dứt đúng quy định pháp luật vào ngày 29/7/2022.

Việc ông **Vũ Văn H** (tức ông **Đỗ Ngọc V**) cung cấp hồ sơ giả để ký Hợp đồng lao động với Công ty thì phía Công ty không biết. Lỗi hoàn toàn do ông **Vũ Văn H**, việc này cũng đã được ông **H** thừa nhận, đây là hành vi vi phạm nguyên tắc "*trung thực*" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động.

Vì vậy, phía **Công ty Cổ phần M1** đường 333 không đồng ý với nội dung khởi kiện của nguyên đơn ông **Vũ Văn H**.

Đồng thời, Công ty đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Vũ Văn H** và áp dụng thời hiệu khởi kiện ban hành Quyết định đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông **Vũ Văn H**.

Trường hợp Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động không xác định thời hạn giữa ông **Đỗ Ngọc V** với **Công ty Cổ phần M1** vô hiệu thì không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu.

*** Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk là ông **Mai Đức CI** trình bày:**

Ngày 26/12/2023, Bảo hiểm xã hội (BHXH) **huyện E** (nay là **Bảo hiểm xã hội cơ sở E**) nhận được Công văn trao đổi thông tin số 2259/CAH, của **Công an huyện E** (nay là **Công an xã E**) "V/v phối hợp trao đổi thông tin". Theo đó **Vũ Văn H**, sinh ngày 06/10/1979; Số ĐDCN/CCCD 038079019993; thường trú tại **thôn A, xã E** sử dụng bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) của ông **Đỗ Ngọc V**, sinh ngày 22/7/1978; thường trú tại **X, T, Thanh Hóa** để đi làm công nhân nhà máy đường **C, huyện E**. Đồng thời, đăng ký thường trú cho **Đỗ Ngọc V** đến **xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**. Sau đó, ông **Vũ Văn H** sử dụng thông tin của ông **Đỗ Ngọc V** làm Chứng minh nhân dân số 241370286 để bổ sung hồ sơ công nhân làm việc tại **Công ty Cổ phần M1**.

Hồ sơ của ông **Đỗ Ngọc V**, mã số BHXH 40003000249, sinh ngày 22/07/1978, đăng ký tham gia BHXH tại **Công ty Cổ phần M1, thị trấn E, huyện E**. Đã hưởng trợ cấp thất nghiệp 12 tháng, chốt sổ bảo lưu thời gian tham gia BHXH 20 năm 08 tháng (từ tháng 12/2001 đến tháng 07/2022).

Ngày 16/01/2024 **BHXH huyện E** (nay là BHXH **cơ sở E**) đã mời ông **Vũ Văn H** lên làm việc có ký xác nhận bằng biên bản:

Theo đó ông **Vũ Văn H**, sinh ngày 06/10/1979; số ĐDCN/CCCD 038079019993 đã công nhận và sử dụng thông tin công dân, bằng tốt nghiệp THPT của **Đỗ Ngọc V**, sinh ngày 22/7/1978, mã số BHXH 4003000249 để làm công nhân nhà máy đường **C, xã E**. Đã hưởng trợ cấp thất nghiệp 12 tháng, chốt sổ bảo lưu thời gian tham gia Bảo hiểm xã hội 20 năm 08 tháng (từ tháng 12/2001 đến tháng 07/2022).

a. Đối với nội dung ông **Vũ Văn H** yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng lao động không xác định thời hạn giữa ông **Đỗ Ngọc V** và **Công ty Cổ phần M1** (từ tháng 12/2001 đến tháng 07/2022 là 20 năm 08 tháng):

Ngày 31/5/2022, **Bộ L** có Công văn số 1767/LDTBXH-BHXH “Về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động” gửi cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Trong đó, cho có ý kiến: Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại

khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động. Vì vậy, căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ. Theo đó Toà án nhân dân có quyền tuyên vô hiệu.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông **Vũ Văn H**, tuyên hợp đồng lao động vô hiệu giữa ông **Đỗ Ngọc V** với **Công ty Cổ phần M1** đường 333 từ tháng 12/2001 đến tháng 7/2022 đó là quyền lợi của ông **Vũ Văn H**.

b. Đối với nội dung: “Công nhận thời gian ông **Vũ Văn H** công tác, thực tế và có tham gia Bảo hiểm xã hội tại **Công ty Cổ phần M1** đường 333 từ tháng 12/2001 đến tháng 07/2022 với tên ông **Đỗ Ngọc V**” (thời gian đóng BHXH đang quản lý 12/2001 đến tháng 07/2022).

Căn cứ điểm c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định 145/2020 – CP, cụ thể như sau:

Điều 10. Xử lý hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ do người giao kết không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động:

...

2. *Quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động kể từ khi bắt đầu làm việc theo hợp đồng lao động bị tuyên bố vô hiệu cho đến khi hợp đồng lao động được ký lại thực hiện như sau:*

...

c) *Thời gian người lao động làm việc theo hợp đồng lao động bị tuyên bố vô hiệu được tính là thời gian làm việc của người lao động cho người sử dụng lao động để làm căn cứ thực hiện chế độ theo quy định của pháp luật về lao động.*

3. *Trường hợp không ký lại hợp đồng lao động bị tuyên bố vô hiệu toàn bộ thì:*

...

b) *Quyền, nghĩa vụ, lợi ích của người lao động kể từ khi bắt đầu làm việc theo hợp đồng lao động bị tuyên bố vô hiệu cho đến khi chấm dứt hợp đồng lao động được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này”.*

Theo căn cứ trên thì thời gian người lao động làm việc theo hợp đồng bị tuyên bố vô hiệu được tính là thời gian làm việc của người lao động cho người sử dụng lao động để làm căn cứ thực hiện chế độ theo quy định của pháp luật về lao động; Căn cứ theo các quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

Do vậy **Bảo hiểm xã hội tỉnh E** đề nghị Toà án tuyên thời gian đã đóng Bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2001 đến tháng 07/2022 được tính là thời gian đóng Bảo hiểm xã hội của ông **Vũ Văn H**, sinh ngày 06/10/1979.

*** Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở Ea Kar là ông Hoàng Vĩnh T4 trình bày:**

Bảo hiểm xã hội tỉnh E là cơ quan trực tiếp thu và Q đối với Công ty M1 (nay là Công ty Cổ phần M1), đến tháng 7/2025 thì phân cấp quản lý cho Bảo hiểm xã hội cơ sở Ea Kar.

Ngày 26/12/2023 cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện E, Đăk Lăk nhận được công văn trao đổi thông tin số: 2259/CAH-HC của Công an huyện E "V/v phối hợp trao đổi thông tin", qua công tác đăng ký, quản lý cư trú, cấp và quản lý căn cước công dân có phát hiện trường hợp tráo người sử dụng thông tin công dân của người khác để đăng ký thường trú, cấp CCCD, qua đó cũng xác định các trường hợp này mượn hồ sơ, lí lịch để đi làm việc, tham gia Bảo hiểm xã hội. Ngày 18/1/2024 Bảo hiểm xã hội cơ sở E (trước đây là Bảo hiểm xã hội huyện E) đã có buổi làm việc và ký biên bản làm việc với ông Vũ Văn H, sinh ngày 06/10/1979 số ĐDCN 038079019993; thường trú tại Thôn A, xã E, huyện E, Đăk Lăk (nay là Thôn A, xã E, tỉnh Đăk Lăk)

Theo đó ông Vũ Văn H, sinh ngày 06/10/1979; quê quán: T, Thanh Hóa; số ĐDCN 038079019993; thường trú tại thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đăk Lăk (nay là thôn A, xã E, tỉnh Đăk Lăk) sử dụng bằng tốt nghiệp THPT của Đỗ Ngọc V, sinh 22/07/1978; thường trú tại X, T, Thanh Hóa để đi làm công nhân nhà máy đường C, huyện E, tỉnh Đăk Lăk; đồng thời đăng ký thường trú cho ông Đỗ Ngọc V đến xã E, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. Sau đó, ông Vũ Văn H sử dụng thông tin của Đỗ Ngọc V làm Chứng minh nhân dân số 241370286 để bổ sung vào hồ sơ công nhân tại Công ty Cổ phần M1, huyện E, tỉnh Đăk Lăk.

Kết quả buổi làm việc Ông Vũ Văn H, sinh ngày 06/10/1979; quê quán: T, Thanh Hóa; số ĐDCN: 038079019993; thường trú tại thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đăk Lăk (nay là thôn A, xã E, tỉnh Đăk Lăk) đã công nhận mượn và sử dụng bằng tốt nghiệp THPT của Đỗ Ngọc V, sinh 22/07/1978; thường trú tại X, T, Thanh Hóa để đi làm công nhân và đăng ký tham gia đóng BHXH tại công ty Cổ phần M1, huyện E, Đăk Lăk (nay là xã E, tỉnh Đăk Lăk) để làm hồ sơ đi làm công nhân và đăng ký đóng BHXH.

Hồ sơ đăng ký đóng BHXH tại Công ty Cổ phần M1 đường 333 của ông Đỗ Ngọc V (tên ông Vũ Văn H mượn hồ sơ), sinh ngày 22/7/1978, theo mã số BHXH 4003000249, tham gia BHXH từ tháng 12/2001 đến tháng 07/2022 (tổng thời gian đóng BHXH là 20 năm 08 tháng). Hồ sơ ông Đỗ Ngọc V đã hưởng Bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 20/9/2022 đến ngày 30/8/2023 với số tiền là 36.946.800 đồng.

Sau khi Công an huyện cấp thẻ Căn cước công dân phát hiện sự trùng lặp, Công ty Cổ phần M1 đã chấm dứt hợp đồng theo tên cũ với người lao động và ký lại hợp đồng lao động theo đúng tên thật với ông Vũ Văn H sinh ngày 06/10/1979; số ĐDCN 038079019993 và đăng ký tham gia đóng BHXH theo mã số BHXH 6622946611 từ tháng 12/2022 đến nay.

Theo quy định của Luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội thì hợp đồng lao động phải được giao kết trực tiếp và trung thực giữa đúng người lao động và người sử dụng lao động. Việc tham gia Bảo hiểm xã hội theo hồ sơ mượn tên là không đúng đối tượng. Việc ông **Vũ Văn H** sử dụng tên ông **Đỗ Ngọc V** để tham gia Bảo hiểm xã hội thì cơ quan Bảo hiểm xã hội không hề biết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật; Bảo hiểm xã hội cơ sở Ea Kar không có yêu cầu gì.

*** Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông **Đỗ Ngọc V** trình bày:**

Ông **Đỗ Ngọc V** và ông **Vũ Văn H** có mối quan hệ quen biết nhau. Trước đây ông **V** sinh sống và làm việc tại **huyện E, tỉnh Đắk Lắk**

Do có mối quan hệ quen biết nhau nên vào năm 2001, ông **H** cần việc làm nhưng thiếu giấy tờ tùy thân nên ông **Vũ Văn H** có mượn Giấy tờ và bằng cấp của ông **Đỗ Ngọc V** mang tên **Đỗ Ngọc V** để ký kết Hợp đồng lao động với **Công ty Cổ phần M1**. Khi ông **H** mượn Giấy tờ của ông **V** thì ông **V** cho rằng cũng không quan trọng. Vì vậy, vẫn cho ông **H** mượn và sử dụng tên của ông **V** để Ký hợp đồng lao động với Công ty.

Ông **H** đã sử dụng giấy tờ mang tên của ông **V** để làm việc tại **Công ty Cổ phần M1** đường 333 từ năm 2001 cho đến năm 2022. Ông **Đỗ Ngọc V** xác nhận bản thân ông **V** chưa từng trực tiếp làm việc, nhận lương hay bất kỳ hoạt động nào tại **Công ty cổ phần M1** đường 333 từ năm 2001 cho đến năm 2022. *(Toàn bộ quá trình làm việc trong khoảng thời gian trên đều do ông **Vũ Văn H** thực hiện dưới danh nghĩa tên của ông **Đỗ Ngọc V**)*

Hiện nay, ông **Vũ Ngọc V1** có biết sự việc ông **Vũ Văn H** có khởi kiện **Công ty M1** đường 333 để yêu cầu:

- Tuyên Hợp đồng lao động không xác định thời hạn được ký ngày 01/12/2001 giữa ông **Đỗ Ngọc V** và **Công ty Cổ phần M1** đường 333 vô hiệu.

- Công nhận Hợp đồng lao động thực tế giữa ông **Vũ Văn H** với **Công ty Cổ phần M1** đường 333 từ ngày 01/12/2001 đến ngày 29/7/2022.

Qua yêu cầu khởi kiện của ông **Vũ Văn H** với **Công ty M1** đường 333 thì ông **Đỗ Ngọc V** không có bất kỳ tranh chấp nào với ông **Vũ Văn H** và **Công ty Cổ phần M1** và không liên quan, ông **Vũ Ngọc V1** đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng;

nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71, 72 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 9, 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; Công văn số 1767/LĐTBOXH-BHXH ngày 31/5/2022 của **Bộ L**, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông **Vũ Văn H**:

+ Tuyên bố Hợp đồng lao động không xác định thời hạn được ký kết ngày 01/12/2001, giữa **Công ty M1** (nay là **Công ty Cổ phần M1** đường 333) và ông **Đỗ Ngọc V**, sinh ngày 22/7/1978 bị vô hiệu.

+ Công nhận thời gian làm việc thực tế của ông **Vũ Văn H** tại **Công ty Cổ phần M1** đường 333 từ ngày 01/12/2001 đến ngày 29/07/2022 với thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2001 đến hết tháng 7/2022.

Về hậu quả khác của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự đều không yêu cầu gì. Do đó, không đặt ra giải quyết.

Đối với yêu cầu của bị đơn **Công ty Cổ phần M1** đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện và điều kiện khởi kiện để xem xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là không có căn cứ pháp luật. Bởi vì: Yêu cầu tuyên bố hợp đồng Lao động bị vô hiệu không phải thông qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 188 Bộ luật lao động. Hơn nữa, việc ông **Vũ Văn H** yêu cầu công nhận thời gian làm việc thực tế tại **Công ty Cổ phần M1** đường 333 từ ngày 01/12/2001 đến ngày 29/7/2022 với thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2001 đến hết tháng 7/2022 thuộc trường hợp không bắt buộc phải thông qua thủ tục hòa giải quy định tại điểm d khoản 1 Điều 188 Bộ luật Lao động và điểm d khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra, việc ông **Vũ Văn H** sử dụng hồ sơ mang thông tin ông **Đỗ Ngọc V** để ký kết Hợp đồng lao động không thời hạn ngày 01/12/2001 với **Công ty Cổ phần M1** đường 333 thuộc trường hợp vi phạm điều cấm của Luật được quy định tại Điều 123 Bộ luật Dân sự. Do đó, không bị giới hạn về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 132 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Bị đơn **Công ty Cổ phần M1** phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ tranh chấp*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa bị đơn với người đứng tên trong hợp đồng là người thứ 3 do nguyên đơn cung cấp thông tin sai sự thật, nhưng thực tế người ký

kết hợp đồng và làm việc là nguyên đơn bị vô hiệu. Đây là quan hệ tranh chấp “*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động bị vô hiệu*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 50 Bộ luật Lao động. Do đó, Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 5 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về tố tụng*: Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, người đại diện hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là người đại diện hợp pháp của **Bảo hiểm xã hội tỉnh E**, Bảo hiểm xã hội **cơ sở E** và ông **Đỗ Ngọc V** đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan này là có căn cứ phù hợp khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] *Đối với yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động không xác định thời hạn được ký kết ngày 01/12/2001, giữa Công ty M1 (nay là Công ty cổ phần M1 đường 333) và ông Đỗ Ngọc V, sinh ngày 22/7/1978 bị vô hiệu của nguyên đơn ông Vũ Văn H, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

- Xét lời khai của nguyên đơn cho rằng: Tại thời điểm năm 2001, khi làm hồ sơ xin việc, ký kết hợp đồng lao động không thời hạn với **Công ty M1** (nay là **Công ty Cổ phần M1**) thì ông **Vũ Văn H** đã sử dụng bằng tốt nghiệp phổ thông trung học của ông **Đỗ Ngọc V**, từ đó các giấy tờ như giấy chứng minh nhân dân, sơ yếu lý lịch, Trích lục khai sinh bản sao và giấy chứng nhận khám sức khỏe đều mang tên **Đỗ Ngọc V**, do đó khi ký kết hợp đồng lao động ông **Vũ Văn H** đã sử dụng tên là **Đỗ Ngọc V**. Ông **Đỗ Ngọc V** cũng khẳng định: Thời gian từ năm 2001 đến năm 2022, bản thân ông **V** không trực tiếp ký hợp đồng lao động, không trực tiếp lao động và tham gia đóng các khoản bảo hiểm theo quy định, ông **H** đã lấy giấy tờ và bằng cấp của ông **V** để xin việc và ký kết hợp đồng lao động với **Công ty M1**. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là **Bảo hiểm xã hội tỉnh E** và **Bảo hiểm xã hội cơ sở E**, đều xác định: Ông **Vũ Văn H** đã mượn hồ sơ của ông **Đỗ Ngọc V** để ký hợp đồng lao động làm việc tại **Công ty M1**.

- Căn cứ vào tài liệu do bị đơn cung cấp lưu hồ sơ vụ án, trong đó có Chứng chỉ đào tạo của **T5** Trung học Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm Đà Nẵng, cấp ngày 24/10/2000, mang tên **Đỗ Ngọc V**. Các bên đương sự (bao gồm nguyên đơn và bị đơn) đều xác định: hình ảnh gắn kèm các chứng chỉ đào tạo này là hình ảnh thật của ông **Vũ Văn H**.

- Phía bị đơn xác định: Xuyên suốt quá trình làm việc và lao động tại Công ty thì Công ty trả lương hàng tháng, đóng bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động với tên **Đỗ Ngọc V** nhưng con người làm việc thực tế tại công ty là ông **Vũ Văn H**. Xét lời khai này phù hợp với lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các nội dung phân tích nêu trên.

Từ những phân tích nêu trên, có đủ căn cứ để xác định: Ông **Vũ Văn H** đã sử dụng bằng tốt nghiệp phổ thông trung học của ông **Đỗ Ngọc V** và làm hồ sơ xin

việc lấy tên **Đỗ Ngọc V** để ký kết hợp đồng Lao động không thời hạn với **Công ty M1** (nay là **Công ty Cổ phần M1**) vào ngày 01/12/2001.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Bộ luật lao động về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động, quy định: “1. Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực.”

Theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, quy định: “2. Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu.”

Tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động, quy định:

“1. Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ trong trường hợp sau đây:

.....

b) Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này.”

Như vậy, việc ông **Vũ Văn H** sử dụng và lấy thông tin của ông **Đỗ Ngọc V** để ký kết hợp đồng lao động là vi phạm nguyên tắc trung thực khi giao kết, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin, lỗi thuộc về ông **Vũ Văn H**. Theo các quy định trên thì Hợp đồng lao động không xác định thời hạn được ký kết ngày 01/12/2001, giữa **Công ty M1** (nay là **Công ty cổ phần M1** đường 333) và ông **Đỗ Ngọc V**, sinh ngày 22/7/1978 bị vô hiệu toàn bộ. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn ông **Vũ Văn H** tuyên bố hợp đồng lao động này bị vô hiệu là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu áp dụng về điều kiện khởi kiện và thời hiệu khởi kiện của bị đơn:

Người đại diện hợp pháp của bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét về điều kiện khởi kiện phải thông qua trình tự, thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động trước khi khởi kiện và yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện để không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và đình chỉ giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Như phân tích, đánh giá và kết luận ở phần trên thì Hợp đồng lao động không thời hạn giữa **Công ty cổ phần M1** và ông **Đỗ Ngọc V** bị vô hiệu.

Tại Điều 50 Bộ luật Lao động quy định: “Tòa án nhân dân có quyền tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”. Điều này có nghĩa rằng chỉ có Tòa án mới có thẩm quyền tuyên bố hợp đồng lao động bị vô hiệu.

Theo Điều 190 Bộ luật Lao động về thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động cá nhân, không quy định về thời hiệu đối với trường hợp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động bị vô hiệu.

Tại Điều 185 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Các quy định của Bộ luật Dân sự về thời hiệu được áp dụng trong tố tụng dân sự.*”

Tại khoản 3 Điều 132 Bộ luật Dân sự, quy định: “*Đối với giao dịch dân sự quy định tại Điều 123 và Điều 124 của Bộ luật này thì thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu không bị hạn chế.*”

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên bố hợp đồng lao động bị vô hiệu chỉ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và không thuộc tranh chấp lao động phải thông qua trình tự, thủ tục hòa giải của Hòa giải viên lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 188 Bộ luật Lao động. Hợp đồng lao động bị vô hiệu là do người lao động vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin, vi phạm nguyên tắc trung thực khi giao kết hợp đồng là vi phạm điều cấm của luật theo quy định Điều 123 Bộ luật Dân sự, trong khi đó Bộ luật Lao động không quy định về thời hiệu đối với trường hợp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động bị vô hiệu. Do đó, thời hiệu khởi kiện đối với quan hệ tranh chấp này không bị hạn chế theo khoản 3 Điều 132 Bộ luật Dân sự.

Vì vậy, yêu cầu xem xét về điều kiện khởi kiện và yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu công nhận thời gian làm việc thực tế của ông **Vũ Văn H** tại **Công ty Cổ phần M1** đường 333 từ ngày 01/12/2001 đến ngày 29/7/2022 với thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2001 đến hết tháng 7/2022, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Ngày 29/7/2022, **Công ty cổ phần M1** chấm dứt hợp đồng lao động không thời hạn đã ký kết ngày 01/12/2001 với ông **Đỗ Ngọc V**. Ngày 01/12/2022, Công ty ký lại Hợp đồng có thời hạn với ông **Vũ Văn H**. Theo lời khai của đại diện **cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh E**, xác định: số tiền bảo hiểm thất nghiệp khi chấm dứt hợp đồng lao động, mặc dù hồ sơ thanh toán mang tên ông **Đỗ Ngọc V**, nhưng thực tế người được hưởng là ông **Vũ Văn H**.

- Theo lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông **Đỗ Ngọc V** thì bản thân ông **V** chưa từng trực tiếp làm việc, nhận lương hay tham gia bất kỳ hoạt động nào tại **Công ty Cổ phần M1** đường 333 từ năm 2001 cho đến năm 2022.

- Các bên đương sự đều xác định: Hồ sơ đóng bảo hiểm xã hội với tên **Đỗ Ngọc V** từ tháng 12/2001 đến hết tháng 07/2022 với tổng thời gian là 20 năm 08 tháng.

Từ sự phân tích nêu trên và tại mục [2.1] có đủ căn cứ xác định: Mặc dù hợp đồng lao động không thời hạn ngày 01/12/2001 được mang tên ông **Đỗ Ngọc V** nhưng người làm việc thực tế tại **Công ty Cổ phần M1** đường 333 từ ngày 01/12/2001 đến ngày 29/7/2022 là ông **Vũ Văn H** và đã đóng bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động từ tháng 12/2001 đến hết tháng 07/2022.

Tại điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao

động về điều kiện lao động và quan hệ lao động: “Thời gian người Lao động làm việc theo hợp đồng lao động bị tuyên bố vô hiệu được tính là thời gian làm việc của người lao động cho người sử dụng lao động để làm căn cứ thực hiện chế độ theo quy định của pháp luật lao động.”

Do đó, xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về các yêu cầu khác của hậu quả giao dịch vô hiệu: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho các đương sự về hậu quả pháp lý của giao dịch vô hiệu, tuy nhiên các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn Công ty Cổ phần M1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm không có giá ngạch theo khoản 2 Điều 26, điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Vũ Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 5 Điều 32, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 123, khoản 3 Điều 132 Bộ luật Dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019.

Áp dụng Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

Áp dụng khoản 2 Điều 26; điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần II (Danh mục án phí) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Văn H.

+ Tuyên Hợp đồng lao động không xác định thời hạn được ký kết ngày 01/12/2001 giữa Công ty M1 (nay là Công ty Cổ phần M1 đường 333) và ông Đỗ Ngọc V, sinh ngày 29/7/1978 bị vô hiệu.

+ Công nhận thời gian làm việc thực tế của ông Vũ Văn H tại Công ty Cổ phần M1 đường 333 từ ngày 01/12/2001 đến ngày 29/7/2022 với thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2001 đến hết tháng 7/2022.

2. Về hậu quả khác của giao dịch vô hiệu: Các đương sự đều không yêu cầu

giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra đề giải quyết.

3. Về án phí lao động sơ thẩm:

Bị đơn **Công ty Cổ phần M1** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông **Vũ Văn H** số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do ông **Lê Trọng C** nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004205 ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Lao động sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 7 – Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Y Kăn Niê